

Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 Trường Đại học Giáo dục

Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN trân trọng thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 của Trường.

I. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh

1. Người đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;

- Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định hiện hành;

- Người tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam, ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

3. Có kết quả "Đạt" ở vòng đánh giá năng khiếu đối với thí sinh dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

3. Các phương thức tuyển sinh

a) Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và dự bị đại học xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

b) Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định;

c) Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2023 đạt tối thiểu 80/150 điểm trở lên;

d) Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level): Thí sinh sử dụng chứng chỉ A-Level có kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60); e) Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 trở lên. Mã đăng ký của ĐHQGHN

với tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi (thí sinh cần khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT); f) Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing) đạt điểm từ 22/36;

g) Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các yêu cầu theo quy định của ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT;

h) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 5.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (quy định trong Phụ lục 1) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác (quy định tại Phụ lục 2) và có tổng điểm 2 môn thi còn lại trong tổ hợp xét 3 tuyển đạt tối thiểu 14 điểm trong kỳ thi THPT năm 2023 (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn, riêng khối ngành sức khỏe điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 16 điểm).

Các chứng chỉ quốc tế phải còn hạn sử dụng tính đến ngày ĐKXT (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Trường Đại học Giáo dục tuyển sinh theo nhóm ngành. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến) theo nhóm ngành/ngành theo từng phương thức tuyển sinh cụ thể như sau:

TT	Tên nhóm ngành/ngành	Mã nhóm ngành/Ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Chỉ tiêu chia theo các phương thức xét tuyển		
				Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023	Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL năm 2023 của ĐHQGHN	Xét tuyển theo các phương thức khác
I	Sự phạm Toán và Khoa học Tự nhiên* <i>Gồm 05 ngành sau:</i>	GD1	190	140	40	10
1	Sự phạm Toán học		50			

2	Sư phạm Vật lý		20			
3	Sư phạm Hoá học		20			
4	Sư phạm Sinh học		20			
5	Sư phạm Khoa học Tự nhiên		80			
II	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử và Địa lý* <i>Gồm 03 ngành sau:</i>	GD2	150	115	30	5
1	Sư phạm Ngữ văn		50			
2	Sư phạm Lịch sử		20			
3	Sư phạm Lịch sử và Địa lý		80			
III	Khoa học giáo dục và khác <i>Gồm 05 ngành sau</i>	GD3	600	500	75	25
1	Quản trị trường học		120	100	15	5
2	Quản trị Công nghệ giáo dục		120	100	15	5
3	Khoa học giáo dục		120	100	15	5
4	Quản trị chất lượng giáo dục		120	100	15	5
5	Tham vấn học đường		120	100	15	5
IV	Ngành Giáo dục Tiểu học*	GD4	90	65	20	5
V	Ngành Giáo dục Mầm non*	GD5	70	50	15	5
	Tổng		1100	870	180	50

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

5.1. Các nhóm ngành tuyển sinh

+/ Nhóm ngành Sư phạm Toán và Khoa học Tự nhiên (mã nhóm ngành: **GD1**), gồm các ngành: Sư phạm Toán học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

+/Nhóm ngành Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử và Địa lý (mã nhóm ngành: **GD2**), gồm các ngành: Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Lịch sử và Địa lý.

+/ Nhóm ngành Khoa học giáo dục và khác (mã nhóm ngành: **GD3**), gồm các ngành: Quản trị trường học; Quản trị chất lượng giáo dục; Khoa học giáo dục; Quản trị công nghệ giáo dục; Tham vấn học đường.

+/ Ngành Giáo dục Tiểu học (mã ngành: **GD4**).

+/ Ngành Giáo dục Mầm non (mã ngành: **GD5**).

5.2. Tổ hợp xét tuyển

STT	Mã trường	Ngành học	Tên nhóm ngành	Mã nhóm ngành	Tổ hợp môn thi/bài thi THPT	Phương thức khác	Quy định trong xét tuyển
1	QHS	Sư phạm Toán	Sư phạm Toán và Khoa học Tự nhiên	GD1	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ, của ĐHQGHN;	Sau khi hoàn thành các học phần chung bắt buộc trong năm thứ nhất sẽ phân ngành.
2		Sư phạm Vật lý					
3		Sư phạm Hóa học					
4		Sư phạm Sinh học					
5		Sư phạm Khoa học Tự nhiên					
6		Sư phạm Ngữ Văn	Sư phạm Ngữ văn, Lịch	GD2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00)	- Xét tuyển các thí sinh có chứng chỉ quốc tế	
7		Sư phạm Lịch sử					

8		Sư phạm Lịch sử và Địa lý	sử, Lịch sử và Địa lý		Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14) Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15)	SAT, A- Level, ACT, IELTS;	
9	QHS	Quản trị trường học	Khoa học giáo dục và khác	GD3	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	- Xét tuyển theo kết quả bài thi ĐGNL năm 2023 của ĐHQGHN;	
10		Quản trị công nghệ giáo dục					
11		Quản trị chất lượng giáo dục					
12		Tham vấn học đường					
13		Khoa học giáo dục					
14	QHS	Giáo dục Tiểu học		GD4	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)		
15	QHS	Giáo dục Mầm non		GD5	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) Ngữ văn, Lịch Sử, Địa lý (C00) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)		*

Lưu ý:

- Điểm trúng tuyển theo từng nhóm ngành không phân biệt tổ hợp xét tuyển.

* Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Giáo dục tổ chức đánh giá năng khiếu. **Thí sinh không bắt buộc phải có kết quả đánh giá năng khiếu trước**

khi đăng ký xét tuyển. Tuy nhiên, thí sinh được công nhận trúng tuyển khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

+/ “Đạt” điểm chuẩn theo quy định.

+/ “Đạt” về đánh giá năng khiếu.

Thông tin về đánh giá năng khiếu dự tuyển ngành Giáo dục Mầm non, thí sinh tra cứu tại địa chỉ:

<http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewnews/2488>.

5.3. Phân ngành cho sinh viên nhóm ngành GD1, GD2, GD3:

Sau hai học kỳ chính của năm thứ nhất, Trường xét phân ngành cho sinh viên nhóm ngành GD1, GD2, GD3 dựa trên các căn cứ:

Điều kiện để được phân ngành: Học đủ số học phần theo kế hoạch học tập của Trường. Trường hợp không học học phần nào, phải có lý do chính đáng và báo cáo trong quá trình học tập. Trường hợp này sẽ không tính điểm và tín chỉ học phần đó. Nếu sinh viên không có điểm và không có lý do chính đáng, những học phần đó sẽ được tính là 0 (không điểm) để tính điểm trung bình chung xét phân ngành. Trường hợp học phần có học phần tiên quyết, nhưng sinh viên chưa học học phần tiên quyết (do phần mềm không lọc hết), nhưng đã học và có điểm cho học phần sau, thì sẽ không tính cho điểm và tín chỉ cho cả 2 học phần.

Phương pháp thực hiện

- Sinh viên đăng kí nguyện vọng vào cuối học kỳ 2 năm thứ nhất (sau khi có điểm tất cả các môn năm thứ nhất).

- Công thức tính điểm xét phân ngành (ĐXPN) như sau:

$$\text{ĐXPN} = \frac{\text{ĐTHPT2023}}{3} . 0,5 + \text{TBC} . 0,5, \text{ trong đó:}$$

+/ ĐTHPT 2023 (điểm thi trung học phổ thông năm 2023): Là tổng điểm của tổ hợp môn thi/bài thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được sinh viên sử dụng để đăng ký xét tuyển và trúng tuyển vào Trường ĐHGĐ hoặc hoặc điểm bài thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023 được quy về thang điểm 30.

+/ TBC: Là điểm trung bình chung có trọng số theo tín chỉ (tính theo thang điểm 10) của năm thứ nhất (không kể học phần giáo dục thể chất, học phần ngoại ngữ), điểm của học phần chuyên môn của ngành sinh viên đăng ký nguyện vọng được nhân hệ số 2.

- *Yêu cầu:* Điểm của học phần chuyên môn không thấp hơn 4,0 (thang điểm 10).

Danh sách các học phần chuyên môn xét phân ngành:

STT	Ngành	Học phần chuyên môn	Ghi chú
1	Sư phạm Toán	Giải tích 1	
2	Sư phạm Vật lý	Cơ nhiệt	
3	Sư phạm Hóa học	Hóa học đại cương 1	
4	Sư phạm Sinh học	Sinh học đại cương	
5	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Cơ nhiệt Hóa học đại cương 1 Sinh học đại cương	Kết quả học tập học phần chuyên môn là điểm trung bình chung của ba học phần.
6	Sư phạm Ngữ văn	Dẫn luận ngôn ngữ	
7	Sư phạm Lịch sử	Lịch sử văn minh thế giới	
8	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam	
9	Quản trị trường học	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	
10	Quản trị công nghệ giáo dục	Nhập môn công nghệ giáo dục	
11	Quản trị chất lượng giáo dục	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	
12	Tham vấn học đường	Tâm lý học giáo dục	

13	Khoa học giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	
----	-------------------	--	--

Nguyên tắc phân ngành

Lấy từ trên xuống theo ĐXP, theo chỉ tiêu của ngành đã được Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN phê duyệt. Khi sinh viên không đạt được xét phân ngành theo nguyện vọng 1 sẽ được xét đến nguyện vọng 2, 3, v.v. và tương ứng với chỉ tiêu ngành theo nguyện vọng.

- Điểm học phần sử dụng để tính ĐXP là điểm thi lần 1, không tính điểm học lại và điểm học cải thiện. Những học phần có đòi hỏi học phần tiên quyết sẽ không tính vào ĐXP nếu điểm của học phần tiên quyết nhỏ hơn 4.00 (điểm của học phần tiên quyết vẫn sử dụng để tính ĐXP). Những học phần không đòi hỏi học phần tiên quyết mà không có điểm sẽ được tính điểm 0.00 khi tính ĐXP.

- Sinh viên đạt tiêu chí và được phân ngành vào nguyện vọng trước sẽ không được chuyển sang ngành có nguyện vọng sau hoặc ngược lại.

- Trường hợp sinh viên không đăng ký hoặc không được xét vào ngành đã đăng ký thì sẽ được phân vào những ngành phù hợp, còn chỉ tiêu.

- Sinh viên trúng tuyển theo diện xét tuyển thẳng được ưu tiên xét phân vào ngành phù hợp với điều kiện khi đăng ký xét tuyển thẳng.

5.4. Đánh giá năng khiếu đối với thí sinh dự tuyển ngành Giáo dục mầm non

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Giáo dục tổ chức đánh giá năng khiếu của thí sinh. Thí sinh không bắt buộc phải có kết quả đánh giá năng khiếu trước khi đăng ký xét tuyển. Tuy nhiên, thí sinh được công nhận trúng tuyển khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

+/ “Đạt” điểm chuẩn theo quy định.

+/ “Đạt” về đánh giá năng khiếu.

Thông tin về đánh giá năng khiếu để dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non, thí sinh tra cứu tại địa chỉ:

<http://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewnews/2488>

5.5. Một số điểm mới trong các chương trình đào tạo cử nhân của Trường Đại học Giáo dục.

Nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của thị trường lao động, việc tuyển sinh cho năm học 2023 – 2024, trường ĐHGĐ xác định các định hướng chuyên ngành cho các ngành Quản trị Trường học, Tham vấn Học đường, Khoa học Giáo dục, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học để tạo điều kiện và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp. Theo đó, các sinh viên khi trúng tuyển vào các ngành này có thể chọn một định hướng chuyên ngành để học chuyên sâu. Định hướng chuyên ngành của mỗi ngành chỉ được tổ chức nếu có ít nhất 20 sinh viên đăng ký.

Ngoài ra, nếu sinh viên có nhu cầu muốn tiếp tục học thêm định hướng chuyên ngành thứ hai trong ngành đào tạo thì có thể đăng ký học sẽ nhận được các chứng nhận riêng kèm theo bảng điểm đại học.

- **Ngành Quản trị trường học:** hiện nay các nhà trường thực hiện tuyển dụng theo khung danh mục vị trí việc làm. Do vậy, ngoài định hướng chuyên ngành chung nhà trường xác định thêm 2 định hướng chuyên ngành. Các sinh viên trúng tuyển ngành này có thể lựa chọn một trong 2 định hướng chuyên ngành sau: (i) Quản trị hành chính - nhân sự, nhằm đào tạo nhân lực có các kỹ năng nhân viên hành chính văn phòng và nhân sự; (ii) Kinh tế học giáo dục, nhằm đào tạo nhân lực định hướng đến các kỹ năng của thủ quỹ và kế toán các nhà trường.

- **Ngành Tham vấn học đường:** sinh viên trúng tuyển ngành này có thể đăng kí học sâu một trong 3 định hướng: (i) Tham vấn sức khỏe tâm thần, nhằm trang bị sinh viên năng lực đánh giá các khó khăn tâm lý, lập kế hoạch tư vấn, giáo dục kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần; (ii) Tư vấn hướng nghiệp, nhằm trang bị sinh viên năng lực hỗ trợ học sinh về phương pháp học tập, những khó khăn trong học tập, đánh giá thiên hướng nghề nghiệp, lập kế hoạch nghề nghiệp; (iii) Công tác xã hội học đường, nhằm trang bị cho sinh viên năng lực thực hiện các nhiệm vụ như hỗ trợ quản lý học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, kết nối các nguồn lực hỗ trợ học sinh, huy động và triển khai các dự án về sức khỏe tâm thần, tâm lý - xã hội cho học sinh.

- **Ngành Khoa học giáo dục:** sinh viên trúng tuyển ngành này có thể đăng kí học sâu một trong 3 định hướng: (i) Nghiên cứu khoa học giáo dục, đào tạo sinh viên chuyên sâu theo hướng làm nghiên cứu để ứng tuyển vào các vị trí công việc như chuyên viên dự án, chuyên viên nghiên cứu và thực hành trong các tổ chức của chính phủ và phi chính phủ có hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục và phát triển bền vững; (ii) Tâm lý giáo dục, nhằm đào tạo sinh viên sau này có thể tham gia nghiên cứu và thực hành tâm lý trong nhà trường và đảm nhiệm các vị trí trong phòng tư vấn tâm lý, hướng nghiệp hay hỗ trợ học tập hoặc trong các viện nghiên cứu tâm lý và giáo dục;

(iii) Giáo dục trị liệu, nhằm đào tạo sinh viên sau này làm việc trong môi trường giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt như các cơ sở can thiệp chuyên biệt, trường học hoà nhập, trung tâm can thiệp sớm, trung tâm giáo dục đặc biệt, cơ sở thực hành và nghiên cứu giáo dục đặc biệt.

- **Ngành Giáo dục Tiểu học:** sinh viên trúng tuyển ngành này có thể đăng ký học sâu theo một trong 3 định hướng: (i) Giáo dục tiểu học; (ii) Giáo dục tiểu học tăng cường Tiếng Anh; (iii) Giáo dục tiểu học tăng cường Tin học.

- **Ngành Giáo dục Mầm non:** sinh viên trúng tuyển ngành này có thể đăng ký học sâu theo một trong 3 định hướng: (i) Giáo dục mầm non tăng cường Tiếng Anh; (ii) Giáo dục mầm non định hướng Montessori và Reggio; (iii) Giáo dục mầm non định hướng STEAM.

6. Tổ chức tuyển sinh: Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

7. Địa điểm học tập

Sinh viên Trường Đại học Giáo dục sẽ học tập tại các địa điểm:

- Cơ sở Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc.

+ Sinh viên năm thứ nhất các ngành đào tạo giáo viên (GD1, GD2, GD4, GD5) học tại Hoà Lạc. Sau khi học xong năm thứ nhất, các sinh viên này sẽ tiếp tục học các năm tiếp theo tại nội thành Hà Nội.

+ Sinh viên các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục và khác (GD3) từ năm thứ hai sẽ học 1 buổi/tuần tại Hoà Lạc.

- Cơ sở tại 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Cơ sở tại 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

8. Cơ hội học bằng kép (bằng đại học thứ 2)

Sinh viên Trường Đại học Giáo dục có cơ hội học bằng kép các ngành đào tạo khác trong trường hoặc các ngành đào tạo của các đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHQGHN như: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Ngoại ngữ, Khoa Luật.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí phải nộp được tính theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP về “Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc Hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo” và các quy định hiện hành khác liên quan của Nhà nước và của ĐHQGHN. Mức học phí dự kiến năm học 2023-2023 quy theo tháng là từ khoảng 980 ngàn/tháng đến 1,17 triệu/tháng, tùy theo ngành, mỗi năm học thu 10 tháng. Những năm học tiếp theo, lộ trình học phí thực hiện theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền học phí và sinh hoạt phí theo quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Thủ tục, tiêu chuẩn được hỗ trợ thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Sinh viên được tiếp cận các quỹ học bổng của trường, của ĐHQGHN và của các nhà tài trợ khác nhau với nhiều mức khác nhau.

Ngoài ra, nhà trường còn có nhiều vị trí thực tập làm bán thời gian có trả công dành cho các bạn đáp ứng tiêu chí chọn.

11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2023.

Họ và tên	Chức danh/ chức vụ	Số điện thoại	Email
Phạm Văn Thuận	Phó Hiệu trưởng	(+84) 912370012	thuanpv@vnu.edu.vn
Nguyễn Trung Kiên	Trưởng phòng	(+84) 903410412	kiennt@vnu.edu.vn
Nguyễn Bá Ngọc	Trưởng phòng	(+84) 963568859	nbnngoc@vnu.edu.vn
Trần Xuân Quang	Phó trưởng phòng	(+84) 963265833	quangtx@vnu.edu.vn
Phạm Ngọc Cường	Chuyên viên	(+84) 984877644	cuongpn@vnu.edu.vn

- **Hotline:** [0865964905](tel:0865964905); [024\) 73017123](tel:02473017123) (máy lẻ: 1103); [0867628627](tel:0867628627) (gọi trong giờ hành chính).

Email: education@vnu.edu.vn

12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất). Phụ lục 3

[Xem chi tiết các phụ lục tại đây](#)